

Số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17/01/2018
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Phước
2. Ông Nguyễn Thái Tuấn Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Toà án nhân dân Quận 2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2018, tại phòng xử án của Toà án nhân dân Quận 2 đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 469/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nhâm Vĩnh T, sinh năm: 1984;
Cư trú: Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc N, sinh năm: 1986;

Cư trú: Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn ông Nhâm Vĩnh T có Đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Trúc N có Đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 09 tháng 11 năm 2017, bản tự khai nguyên đơn ông Nhâm Vĩnh T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Trúc N tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn kết hôn vào ngày 12/7/2005 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh C, sau khi kết hôn vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc mục đích

hôn nhân không đạt được. Hiện nay ông và bà N đã ly thân được hơn 2 năm. Nay ông T yêu cầu Tòa án Quận 2 giải quyết cho ông và bà N được ly hôn.

Quá trình chung sống, ông và bà N có một con chung tên Nhâm Tuyết T, sinh ngày 28/01/2006 hiện nay cháu đang sống với bà N, ông T đồng ý giao con cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục, và ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Ông T xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 07/12/2017 và Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 14/12/2017 bị đơn bà Nguyễn Thị Trúc N trình bày:

Bà xác nhận lời trình bày của ông Nhâm Vĩnh T về thời điểm chung sống, về thời điểm kết hôn là đúng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn nên cách đây 1 năm bà đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 2 nhưng do không tìm được địa chỉ của ông Nhâm Vĩnh T nên Tòa án đã đình chỉ vụ án. Bà xác định đã ly thân với ông T hơn 2 năm nay. Nay với yêu cầu xin ly hôn của ông T bà hoàn toàn đồng ý và mong muốn Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nhâm Vĩnh T.

Về con chung: Bà và ông T có một con chung tên Nhâm Tuyết T, sinh ngày 28/01/2006, hiện nay cháu đang sống với bà nên bà mong muốn là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con Nhâm Tuyết T và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát Quận 2 trình bày quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân Quận 2 đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nhâm Vĩnh T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Trúc N.

Về con chung: Giao con tên Nhâm Tuyết T, sinh ngày 28/01/2006 cho bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục, bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị Tòa án nhân dân Quận 2 chấp nhận yêu cầu về hôn nhân, con chung và tài sản chung của nguyên đơn ông Nhâm Vĩnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Ông Nhâm Vĩnh T yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị Trúc N, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà Nguyễn Thị Trúc N hiện đang cư trú tại Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho ông Nhâm Vĩnh T và bà Nguyễn Thị Trúc N để tham gia phiên tòa nhưng nguyên đơn ông T và bị đơn bà N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nhâm Vĩnh T và bà Nguyễn Thị Trúc N là có cơ sở và đúng quy định.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa ông Nhâm Vĩnh T và bà Nguyễn Thị Trúc N tại Ủy ban nhân dân phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả xác minh ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân phường A thì Ủy ban nhân dân phường không nắm rõ về hoàn cảnh gia đình cũng như mâu thuẫn giữa ông T và bà N.

Về nội dung:

Ông Nhâm Vĩnh T và bà Nguyễn Thị Trúc N tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyền số 1/05 ngày 12/7/2005 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh C. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của ông T và bà N được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay ông T và bà N đã ly thân được hơn hai năm nay. Nay ông T yêu cầu xin ly hôn với bà N và bà N cũng đồng ý ly hôn với ông T. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của ông T là có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Bà N và ông T có một con chung tên Nhâm Tuyết T, sinh ngày 28/01/2006. Ông Nhâm Vĩnh T đồng ý giao con cho bà N trực tiếp trông nom chăm sóc giáo dục. Hiện nay, cháu T thực tế đang sống với bà N và bà N mong muốn là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận giao trẻ Nhâm Tuyết T cho bà N được trông nom, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Án phí sơ thẩm: Ông Nhâm Vĩnh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0008646 ngày 20/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2. Ông T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nhâm Vĩnh T về yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Trúc N.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nhâm Vĩnh T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Trúc N. Quan hệ hôn nhân giữa ông Nhâm Vĩnh T và bà Nguyễn Thị Trúc N theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyển số 1/05 ngày 12/7/2005 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh C được chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao con chung tên Nhâm Tuyết T, sinh ngày 28/01/2006 cho bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Trúc N về việc không yêu cầu ông Nhâm Vĩnh T cấp dưỡng nuôi con.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Quyền, nghĩa vụ của ông Nhâm Vĩnh T và bà Nguyễn Thị Trúc N trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm:

Ông Nhâm Vĩnh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0008646 ngày 20/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2. Ông T đã nộp đủ án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 2;
- THA Quận 2;
- Các đương sự;
- UBND xã A, huyện B, tỉnh C;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hiếu